TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 823/2024/DS-ST
Ngày: 06 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 340/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K; địa chỉ trụ sở: Số 40 - 42 - 44 đường P, phường V, Thành phố R, Tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên hệ: Số 279-281 đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 2000; địa chỉ:Ấp 05, Phú An, huyện C, Tỉnh Tiền Giang (quyết định ủy quyền số 3777/QĐ-NHKL ngày 20/9/2023). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 74/808A đường L, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí C trình bày:

Ngày 24/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP K - PGD A (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) và ông Trần Văn T có ký Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K. Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho ông T thẻ tín dụng số 20038328000070, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay 22%/năm, lãi suất chậm trả 3,5%/kỳ, phí vượt hạn mức 0,075%/ngày, số tiền thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kỳ là 5%, các loại phí theo thỏa thuận tại Điều 2 và Điều 3 phụ lục 01 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K, hình thức thanh toán lãi và gốc trả từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Quá trình sử dụng thẻ ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 06/9/2024 ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 160.127.077 đồng (một trăm sáu mươi triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó bao gồm nợ gốc 47.840.810 đồng (bốn mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn và phí 112.286.267 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là ông Trần Văn T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 07/9/2024 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Trần Văn T cư trú tại quận G. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiên Long Bank ngày 24/11/2018; căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định:

Bị đơn ông Trần Văn T đã ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế trên. Sau khi ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bị đơn sử dụng tổng số tiền 242.103.499 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu, một trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng) và đã thanh toán được 194.262.689 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng), đến ngày 02/5/2020 thì ngưng không thanh toán. Hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc của Thẻ tín dụng là 47.840.810 đồng (bốn mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm mười đồng), mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Về yêu cầu tính lãi, phí: Các bên thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng theo thông báo sao kê hàng tháng từ Ngân hàng nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 2, 3, 4 phụ lục 01 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongBank; tiền lãi, phí tính đến ngày 06/9/2024 là 112.286.267 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Bảng kê tính lãi, phí thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 06/9/2024 là 160.127.077 đồng (một trăm sáu mươi triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 07/9/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các

bên thoả thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiên Long Bank ngày 24/11/2018. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 8.006.354 đồng (tám triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/9/2024 theo Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K ký ngày 28/11/2018 là 160.127.077 đồng (một trăm sáu mươi triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó bao gồm nợ gốc 47.840.810 đồng (bốn mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn và phí 112.286.267 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí là 8.006.354 đồng (tám triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.545.534 đồng (ba triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng) cho Ngân hàng TMCP K theo

biên lai thu số 0013406 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K ký ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên